TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ** --- Số: 141/2022/QĐST-VHNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *Đông Hà, ngày 28 tháng 9 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 207/2022/TLST-VHNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022 về việc yêu cầu *"Công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Trần Thanh T, sinh năm: 1988 và chị Bùi Thị H, sinh năm: 1986; cùng địa chỉ: Số 60 đường Tôn Thất T, Khu phố B, Phường N, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về hôn nhân:* Anh Trần Thanh T và chị Bùi Thị H đăng ký kết hôn ngày 14/10/2009 tại UBND xã G, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình, quan điểm sống của vợ chồng không hòa hợp nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Anh T, chị H xác định cho đến nay không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T, chị H mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Tòa án công nhận thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[2] *Về con chung:* Anh Trần Thanh T và chị Bùi Thị H thống nhất có ba con chung là cháu Trần Thanh Nhất N, sinh ngày 08/10/2011; cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 14/12/2014 và cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 11/4/2019. Anh Trần Thanh T và chị Bùi Thị H thỏa thuận: Giao cháu Nhất N, cháu Thảo N và cháu Thảo N cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Thanh T cấp dưỡng

nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu Nhất N, cháu Thảo N, cháu Thảo N thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về lệ phí:* Anh Trần Thanh T thỏa thuận chịu toàn bộ lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị H và anh Trần Thanh T *(Giấy chứng nhận kết hôn số 44; quyển số 01/2009 ngày 14/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị).*

1.2. Về con chung: Giao cháu Trần Thanh Nhất N, sinh ngày 08/10/2011; cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 14/12/2014 và cháu Trần Thị Thảo N, sinh ngày 11/4/2019 cho chị Bùi Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng mỗi cháu 1.000.000 đồng kể từ tháng 10/2022 cho đến khi cháu Nhất N, cháu Thảo N, cháu Thảo N thành niên và có khả năng lao động nuôi sống bản thân.

Anh Trần Thanh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh T thực hiện quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Thanh T thỏa thuận chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về dân sự nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh T đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ

phí Toà án số CC/2021/0000432 ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Anh Trần Thanh T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP. Đông Hà;
- CCTHADS TP. Đông Hà;
- UBND xã G, huyện Gio Linh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Huyến